Ngày soạn: 10/10/2026

Giáo viên: Lê Thị Thìn

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI
BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KÌ CỔ-TRUNG ĐẠI (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giải thích được khái niệm văn minh. Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông.
- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tự lực thực hiện các nhiệm vụ được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động học tập.

- Năng lực chuyên biệt

+ Tìm hiểu lịch sử: Biết cách sưu tầm, khai thác và sử dụng được các nguồn tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông; khai thác được thông tin từ tư liệu chữ viết, hình ảnh, hiện vật, công trình kiến trúc và các nguồn tư liệu khác để nhận biết thành tựu của văn minh Ai Cập.

- Nhận thức và tư duy lịch sử: Giải thích được khái niệm văn minh; phân biệt được khái niệm văn minh và văn hóa; nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập trên các lĩnh vực chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng được kiến thức về các nền văn minh cổ đại phương Đông để nhận xét, đánh giá giá trị và ý nghĩa của những thành tựu văn minh đối với lịch sử nhân loại; liên hệ được ảnh hưởng của một số thành tựu văn minh cổ đại đối với đời sống hiện nay.

- Năng lực số:

+ 1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được các kĩ thuật tìm kiếm để thu thập thông tin, tư liệu và nội dung số về khái niệm, biểu hiện và vai trò của văn hóa và văn minh.

+ 1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Đánh giá được độ tin cậy của các nguồn thông tin, tư liệu số về khái niệm, biểu hiện và vai trò của văn hóa và văn minh; lựa chọn được nguồn thông tin phù hợp để sử dụng.

+ **3.1-NC1-a/b** - Phát triển nội dung số: dùng canva, visme, genially để thiết kế infographic.

+ **2.2-NC1-a/c** - Chia sẻ thông tin và nội dung số: HS chia sẻ sản phẩm qua Drive/Zalo lớp hoặc USB.

3. Phẩm chất:
- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại.
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan trung thực chăm chỉ có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử
- Có thái độ phê phán việc xuyên tạc, huỷ hoại hoặc thương mại hoá phản cảm các di sản văn minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC – HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên
- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- SGK, SGV Lịch sử 10 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; tài liệu tham khảo phù hợp.
- Tranh ảnh, kênh hình về bia đá Rô-sét-ta, bảng chữ số Ai Cập, Kim Tự Tháp và tượng Nhân sư, đền Ma-ha-bô-đi,...
- Lược đồ khu vực hình thành các nền văn minh Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa; bảng thời gian khái quát các nền văn minh phương Đông.
- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu; phiếu học tập.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt và Google Search; Microsoft Word hoặc PowerPoint.

2. Chuẩn bị của học sinh
- SGK Lịch sử 10, vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 4; quan sát các hình 1 – 4 và khai thác các tư liệu trong SGK.
- Nếu có điều kiện, mỗi nhóm chuẩn bị 01 điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng; không bắt buộc mỗi HS có thiết bị. HS có thể hoàn thành sản phẩm bằng Word/PowerPoint trên máy tính của trường hoặc nộp bản giấy khi thiết bị hạn chế.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, tham gia trò chơi "*Giải câu đố*" để tìm ra một số từ khóa quan trọng liên quan đến kiến thức bài học.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, bước đầu nhận xét đây là những thành tựu có giá trị lịch sử, văn hoá và sức sống lâu dài.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, tham gia trò chơi "*Giải câu đố*". GV phổ biến luật chơi:
+ Dựa vào dữ kiện trong câu đố để đưa ra đáp án.
+ Trả lời đúng → được 1 điểm cộng; trả lời sai → nhường cơ hội cho bạn khác.

Câu hỏi	Đáp án
"Nghìn năm nằm dưới mộ sâu/ Thân ta vẫn giữ nguyên màu như xưa/ Vải lanh quấn kín chẳng chừa/ Nắng mưa chẳng biết, sớm trưa ngủ hoài" (Là gì?)	Xác ướp
"Tròn tròn như quả bóng thôi/ Đằng sau thêm số, giá vời tăng cao/ Đứng riêng chẳng có gì nào/ Đố em là số gì nào, nói ngay?" (Là chữ số nào?)	Số 0
"Anh em thì rất giống nhau/ Như hai giọt nước, trước – sau mới kỳ/ Nếu mà có	Bánh xe

việc mà đi/ Anh thì đi trước, em thì đi sau" (Là cái gì?)	
"Gốc gác vốn họ nhà cây/ Quê cha, đất tổ - nơi đầy màu xanh/ Vì đời hiến cả tấm thân/ Cắt, nghiền, nấu, tẩy bao lần chẳng lo/ Để nên cuốn vở học trò/ Để thêm bức họa, trang thơ cho đời" (Là gì?)	Giấy

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức
GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Khái niệm văn minh

a. Mục tiêu: Giải thích được khái niệm văn minh. Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, trình duyệt và Google Search, để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập sau 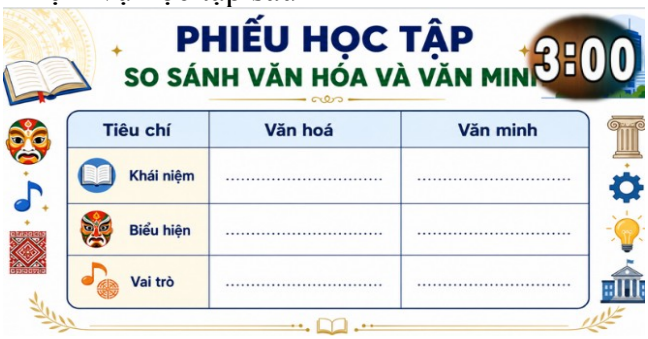 **- Tích hợp NLS:** **1.1.NC1b:** Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số **1.2.NC1a**: Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: - GV khuyến khích HS truy cập Internet kết hợp khai thác SGK để tìm hiểu khái niệm, biểu hiện và vai trò của văn hóa và văn minh. Gợi ý HS lựa chọn công cụ số phù hợp (Google Docs, Microsoft Word Online, Padlet, OneDrive...) để cùng thu thập, chia sẻ và tổng hợp thông tin.	**1. Khái niệm văn minh** - Văn minh là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người; là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá, khi xã hội loài người vượt qua trình độ của thời kì dã man. - Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên, tạo ra bản sắc riêng của xã hội. => Văn minh có mối liên hệ chặt chẽ với văn hóa.	+ **1.1.NC1b** - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được các kĩ thuật tìm kiếm để thu thập thông tin, tư liệu và nội dung số về khái niệm, biểu hiện và vai trò của văn hóa và văn minh. - Công cụ: trình duyệt/Google Search; GV có thể cung cấp sẵn 2-3 đường dẫn để giảm thời gian. - Sản phẩm: tên nguồn, chủ thể công bố, thời

- HS thực hiện thảo luận lựa chọn công cụ số để làm việc nhóm, truy cập Internet tìm kiếm tư liệu, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện: khai thác thông tin từ SGK và các nguồn trên Internet, đối chiếu thông tin giữa nhiều nguồn, thảo luận và thống nhất nội dung, hoàn thành bảng so sánh.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động** - Đại diện nhóm trình bày bảng so sánh. + Giải thích sự khác nhau giữa văn hóa và văn minh. + Chia sẻ cách nhóm đã hợp tác bằng công cụ số để hoàn thành nhiệm vụ. Sản phẩm dự kiến		điểm và thông tin chính thu được. + **1.2.NC1a** - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Đánh giá được độ tin cậy của các nguồn thông tin, tư liệu số về khái niệm, biểu hiện và vai trò của văn hóa và văn minh; lựa chọn được nguồn thông tin phù hợp để sử dụng. - HS đánh giá độ tin cậy của nguồn tư liệu số được cung cấp (hoặc tự tìm kiếm) dựa trên các tiêu chí xác thực: Tác giả/Cơ quan ban hành/Tên miền Website…. - Sản phẩm minh chứng: Phiếu kiểm chứng nguồn số. - Đánh giá: GV kiểm tra căn cứ lựa chọn nguồn, không đánh giá số lượng kết quả tìm kiếm.

Tiêu chí	Văn hoá	Văn minh
Khái niệm	Tổng thể giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo	Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần; trạng thái phát triển cao của văn hoá
Biểu hiện	Phong tục, tập quán, trang phục, nhà ở, tín ngưỡng	Nhà nước, đô thị, chữ viết, tổ chức xã hội, kĩ thuật
Vai trò	Tạo bản sắc xã hội	Thể hiện trình độ phát triển cao của xã hội

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV thực hiện nhận xét nội dung, tính chính xác của thông tin và hiệu quả sử dụng công cụ số trong quá trình hợp tác.
- Hướng dẫn HS bổ sung, chỉnh sửa nếu cần.
- HS thực hiện tiếp thu góp ý, chỉnh sửa và hoàn thiện bảng so sánh.
- GV chuẩn hóa kiến thức.
- GV yêu cầu HS lấy ví dụ về các nền văn minh trong lịch sử nhân loại, và nêu một dấu hiệu chứng minh đó là văn minh?
- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt sang nội dung tiếp theo: 2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại

a. Mục tiêu: Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: Khái quát về các nền văn minh phương Đông GV yêu cầu HS đọc nội dung SGK và hoàn thành các bài tập sau:	**2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại** **a. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập** **- Chữ viết:** Chữ tượng hình sáng tạo từ hơn 3000 năm TCN, người Phê – ni – xi đã sáng tạo ra bảng chữ cái Phê – n - xi. **- Khoa học, kỹ thuật:** + **Toán học:** Sử dụng hệ	

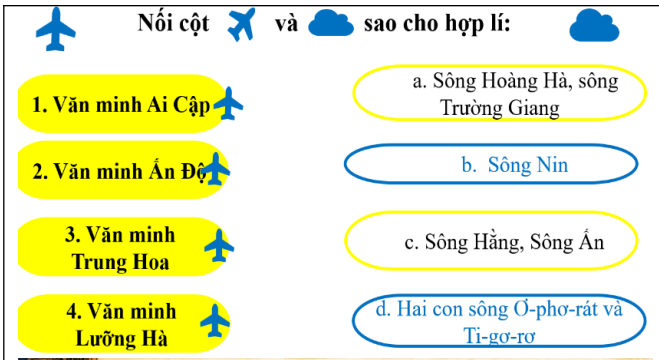



Nhiệm vụ 2: Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại

- GV giới thiệu khái quát: văn minh Ai Cập cổ đại hình thành và phát triển gắn với lưu vực sông Nin ở Đông Bắc châu Phi; đây là một trong những nền văn minh ra đời sớm nhất thế giới.
- GV chia lớp thành bốn nhóm, giao nhiệm vụ:
- Nhóm 1: Tìm hiểu về lĩnh vực chữ viết.
- Nhóm 2 & 3: Tìm hiểu về lĩnh vực khoa học, kỹ thuật (toán học, thiên văn học, lịch và y học).
- Nhóm 4: Tìm hiểu về lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc.

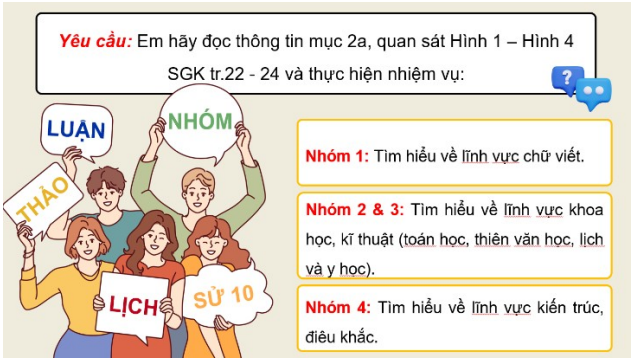

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV

thập phân, phép tính cộng trừ, giỏi về hình học, tính được số pi (π) = **3,16**.

+ **Thiên văn học:** quan sát bầu trời, sự vận hành của các thiên thể và sáng tạo lịch gồm 365 ngày trong một năm.

+ **Y học:** có hiểu biết về cấu tạo cơ thể, sử dụng nhiều loại dược liệu, chữa bệnh và thực hành ướp xác.

- **Kiến trúc, điêu khắc: điêu khắc:** kim tự tháp, tượng Nhân sư, đền tháp, lăng mộ là những di sản quý báu của Ai Cập và nhân loại; thể hiện quyền lực, tín ngưỡng và kĩ thuật xây dựng.

- **Ý nghĩa:** Những thành tựu của Ai Cập cổ đại đã chứng tỏ sự phát triển rực rỡ của nền văn minh này, đồng thời đặt nền móng cho sự phát triển trên nhiều lĩnh vực của văn minh nhân loại.

khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động** - HS lần lượt trả lời các câu hỏi - Đại diện từng nhóm báo cáo. Nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét hoặc bổ sung. GV yêu cầu HS giải thích vì sao người Ai Cập cần kiến thức hình học, thiên văn và y học.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của HS. - GV chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh điều kiện tự nhiên, nhu cầu sản xuất, quản lí và đời sống tinh thần đã thúc đẩy người Ai Cập sáng tạo nhiều thành tựu rực rỡ.		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, tham gia trò chơi "*Giải cứu nông trại*" để tìm ra một số từ khóa quan trọng liên quan đến kiến thức bài học.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, tham gia trò chơi "*Giải cứu nông trại*" để tìm ra một số từ khóa quan trọng liên quan đến kiến thức bài học.



- GV phổ biến luật chơi:
+ Dựa vào dữ kiện trong câu đố để đưa ra đáp án.
+ Trả lời đúng → được 1 điểm cộng; trả lời sai → nhường cơ hội cho bạn khác.
Câu 1: Tổng thể những những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử được gọi là
A. văn hiến.
B. văn minh.
C. văn vật.
D. văn hóa.
Câu 2: Trạng thái tiến bộ về cả vật chất và tinh thần của xã hội loài:
A. văn minh.
B. văn hóa.
C. văn chương.
D. văn hiến.
Câu 3: Văn minh Ai Cập cổ đại tồn tại trong khoảng thời gian nào?
A. Giữa thiên niên kỉ III TCN đến năm 1857.
B. Năm 3200 TCN đến năm 30 TCN.
C. Thế kỉ XXI TCN đến năm 1911.
D. Cuối thiên niên kỉ III TCN đến năm 476.
Câu 4: Người Ai Cập cổ đại đã tính được số Pi (π) xấp xỉ bằng bao nhiêu?
A. 3,14.
B. 3,15.
C. 3,16.
D. 3,17.
Câu 5: Chữ viết của người Ai Cập cổ đại là
A. chữ tượng hình.
B. chữ hình nêm.
C. chữ Hán.
D. chữ La - tinh
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:
HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	D	A	C	C	A

Bước 4: Nhận xét, đánh giá:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày một cách khoa học về những thành tựu của văn minh Ai Cập cổ đại.

b.Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ học tập ngoài giờ theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Infographic, đoạn văn có nguồn tư liệu rõ ràng, nội dung chính xác và cách trình bày mạch lạc.

d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS
- **Tích hợp NLS:** - Nhiệm vụ 1: Thiết kế infographic tóm tắt 4 thành tựu rực rỡ nhất của Ai Cập cổ đại (Chữ viết tượng hình, Kim tự tháp, Toán học/Lịch pháp, Y học - ướp xác). - Nhiệm vụ 2: Viết đoạn giới thiệu khoảng 150 - 200 chữ, nêu giá trị và ảnh hưởng về thành tựu của Ai Cập cổ đại. Yêu cầu: HS chọn hình ảnh, sắp xếp thông tin ngắn gọn và nộp sản phẩm dạng ảnh/link đối với Infographic.	Đoạn viết, infographic có nội dung chính xác và cách trình bày mạch lạc.	**[3.1-NC1-a/b]** - Phát triển nội dung số HS dùng canva để thiết kế infographic; bảo đảm nội dung chính xác, bố cục rõ, hình ảnh phù hợp. **[2.2-NC1-a/c]** Chia sẻ thông tin và nội dung số - HS chia sẻ sản phẩm qua Drive/Zalo lớp hoặc USB.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....
.....
.....
.....

Ngày soạn: 15/10/2026

Giáo viên: Lê Thị Thìn

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI
BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KÌ CỔ-TRUNG ĐẠI (Tiết 2)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tự lực thực hiện các nhiệm vụ được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động học tập.

- Năng lực chuyên biệt

+ Tìm hiểu lịch sử: Biết cách khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ trên các lĩnh vực tôn giáo, chữ viết, kiến trúc, khoa học kỹ thuật,...

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng được kiến thức về các nền văn minh cổ đại phương Đông để nhận xét, đánh giá giá trị và ý nghĩa của những thành tựu văn minh đối với lịch sử nhân loại; liên hệ được ảnh hưởng của một số thành tựu văn minh cổ đại đối với đời sống hiện nay.

- Năng lực số:

+ **3.1-NC1-a/b** - Phát triển nội dung số: dùng capcut để thiết kế video.

+ **2.2-NC1-a/c** - Chia sẻ thông tin và nội dung số: HS chia sẻ sản phẩm qua Drive/Zalo lớp hoặc USB.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập dành cho HS.

- SGK, SGV Lịch sử 10 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; tài liệu tham khảo phù hợp.
- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu; phiếu học tập.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt và Google Search; Microsoft Word hoặc PowerPoint.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK Lịch sử 10, vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 4 và khai thác các tư liệu trong SGK.
- Nếu có điều kiện, mỗi nhóm chuẩn bị 01 điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng; không bắt buộc mỗi HS có thiết bị.

III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1. Khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem video AI giới thiệu về Ấn Độ và cho HS đoánn tên nước



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hằng năm cứ đến mùa tuyết tan, nước từ dãy núi Hi-ma-lay-a theo sông Ấn và sông Hằng đem phù sa màu mỡ bồi đắp cho những cánh đồng ở Bắc Ấn, Trên lưu vực các con sông này,

văn minh Ấn Độ hình thành phát triển và lan tỏa đến nhiều nơi trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á. Chúng ta cùng khám phá các vấn đề trên qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại

* Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại

a. Mục tiêu: - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời kì cổ - Trung đại

- Nêu được ý nghĩa những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời kì cổ - Trung đại

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS/AI
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. **Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm** GV cho HS Lớp chia thành 4 nhóm: xem đoạn video và Hoàn thành nhiệm vụ học tập sau  **Nhiệm vụ 2: cá nhân**  	**2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại** **b. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại** - Tư tưởng, tôn giáo: hình thành nhiều trường phái triết học; Hin-đu giáo và Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng ở Ấn Độ, châu Á và thế giới. - Chữ viết: chữ của văn minh sông Ấn là một trong những hệ thống chữ sớm; chữ Bra-mi là cơ sở để người Ấn Độ cải biến, ghi âm tiếng Phạn và ảnh hưởng đến nhiều loại	



Nhiệm vụ 3:



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

GV cung cấp tư liệu hình ảnh



chữ trong khu vực.

- Văn học: kinh Vê-đa, hai bộ sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na, các tác phẩm của Ca-li-đa-sa có giá trị nghệ thuật và nhân văn sâu sắc.

- Nghệ thuật, kiến trúc: đền tháp Hin-đu giáo, chùa tháp Phật giáo, chùa hang A-giân-ta và lăng Ta-giơ Ma-han thể hiện sự kết hợp của nhiều phong cách, tôn giáo và kĩ thuật xây dựng.

- Toán học: sáng tạo hệ thống mười chữ số, đặc biệt là chữ số 0; tính gần đúng số pi khoảng 3,1416.

- Thiên văn, vật lí, hoá học và luyện kim: hiểu biết về vũ trụ, đặt lịch, nêu một số quan niệm về nguyên tử, đạt trình độ cao về kim loại và bảo vệ kim loại khỏi gỉ.

- Y - dược: có ghi chép về bệnh học, giải phẫu, dược học và phẫu thuật.

- Ý nghĩa: đóng góp quan trọng vào kho tàng tri thức nhân loại; tạo ảnh hưởng sâu rộng

 **Đạo Phật:** Xuất xứ: Ấn Độ Thời gian ra đời: Thế kỷ 6 trước Công Nguyên Người sáng lập: Đức Phật Thích Ca lịch sử (xuất thân từ Thái tử Tất-Đạt Đa Cồ-Đàm (Siddhattha Gotama) của vương quốc dòng họ Thích Ca (Sakya). Chủ thuyết: Tránh làm những điều ác, Làm những điều thiện, Tu dưỡng Tâm trong sạch (kinh Pháp Cú). Loại tôn giáo: Phổ biến, mở rộng, được truyền bá qua nhiều nước trên thế giới; thuộc về vô-thần, không chủ trương hữu thần, không công nhận có đấng sáng tạo hay thượng đế quyết định số mạng con người; chủ trương về lý nhân-quả. Những nhánh phái chính: Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) và Đại Thừa (Mahayana).   Chữ Phạn	đến nhiều quốc gia châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á.	





-Kinh Vệ-đà, hay Phệ-đà (tiếng Phạn: वेद; tiếng Anh: Veda) xem như là cỗi gốc của giới Bà La Môn và là suối nguồn của nền văn minh Ấn Độ. Veda có nghĩa là "tri thức". Trong kinh có những bản tụng ca để ca ngợi các vị thần, như thần lửa, thần núi, thần sông... Phần lớn ca tụng những vẻ đẹp huy hoàng, tưng bừng và mầu nhiệm của cuộc sống trong vũ trụ.



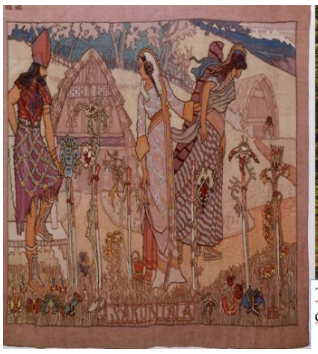



Tác phẩm Sơ-cun-tơ-la của nhà văn Ca-li-đa-sa mô tả tình yêu giữa nàng Sơ-cun-tơ-la và nhà vua Đu-sơn-ta.









Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu của Ấn Độ
Tư tưởng, tôn giáo	Hin-đu giáo, Phật giáo
Chữ viết	Chữ Kha-rốt-thi, Bra-mi, San-xcrít
Văn học	Vê-đa, Ma-ha-bha-ra-ta, Ra-ma-y-a-na, Sơ-kun-tơ-la
Nghệ thuật	Chùa, tháp, đền thờ, lăng mộ, cung điện
Khoa học, kĩ thuật	10 chữ số, pi 3,1416, lịch, luyện kim, y học



Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của HS.

- GV chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh điều kiện tự nhiên, nhu cầu sản xuất, quản lí và đời sống tinh thần đã thúc đẩy người Ai Cập sáng tạo nhiều thành tựu rực rỡ.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Nhiệm vụ 1: Bài tập nối



Nhiệm vụ 2: GV tổ chức trò chơi giải ô chữ

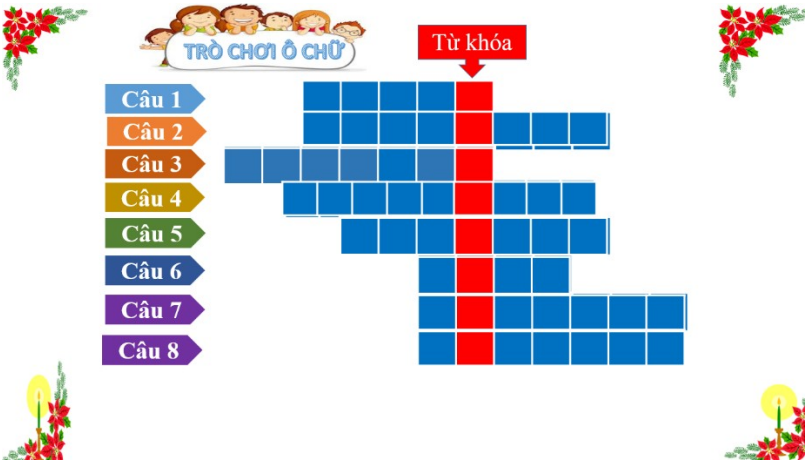

Câu 1: Đất nước được xem là tặng phẩm của sông Nin? (5 chữ cái)
Câu 2: Con sông linh thiêng của người Ấn Độ? (8 chữ cái)
Câu 3: Dãy núi chia đội Ấn Độ thành hai miền Nam Bắc? (7 chữ cái)
Câu 4: Di sản văn hóa thế giới cổ đại duy nhất còn nguyên vẹn đến ngày nay? (9 chữ cái)
Câu 5: Chế độ xã hội cổ truyền khắc nghiệt của Ấn Độ gắn với Bà La Môn giáo? (7 chữ cái)
Câu 6: Dòng sông là trái tim của Ai Cập? (4 chữ cái)

Câu 7: Tôn giáo cổ xưa nhất của Ấn Độ ra đời từ thiên niên ki I TCN? (7 chữ cái)
Câu 8: Chữ số đặc biệt nhất trong dãy số tự nhiên của Ấn Độ? (7 chữ cái)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

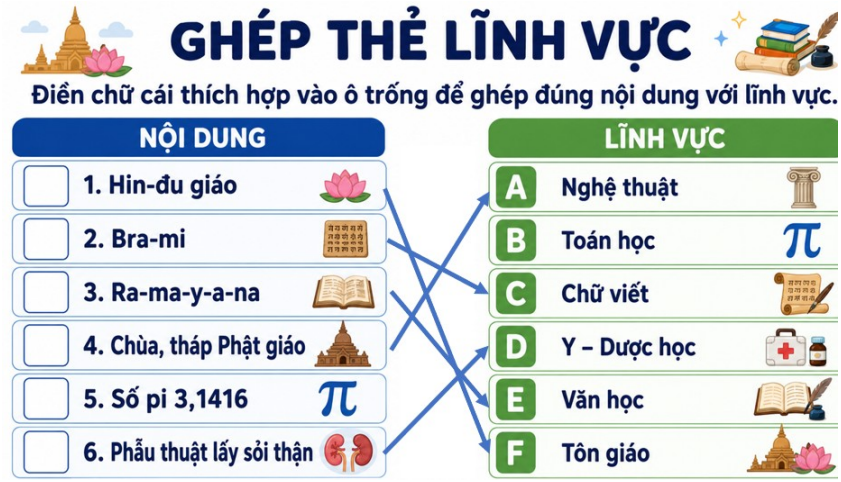

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Câu 1: Ai Cập

Câu 2: Sông Hằng

Câu 3: Vindhya

Câu 4: Kim tự tháp

Câu 5: Đẳng cấp

Câu 6: Nile

Câu 7: Balamon

Câu 8: Số không

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: HS hoàn thành hoạt động ngoài giờ theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS
- **Tích hợp NLS:** - Nhiệm vụ 1: Thiết kế video tóm tắt những thành tựu rực rỡ của nền văn minh Ấn Độ cổ - trung đại - Yêu cầu: HS chọn hình ảnh, sắp xếp thông tin ngắn gọn và nộp sản phẩm dạng video/link.	Video có nội dung chính xác và cách trình bày mạch lạc.	**[3.1-NC1-a/b]** - Phát triển nội dung số HS dùng capcut để thiết kế video; bảo đảm nội dung chính xác, bố cục rõ, hình ảnh/video phù hợp. **[2.2-NC1-a/c]** Chia sẻ thông tin và nội dung số - HS chia sẻ sản phẩm qua Drive/Zalo lớp hoặc USB.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....
.....
.....
.....

Ngày soạn: 30/10/2026
Giáo viên: Lê Thị Thìn

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI
BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KÌ CỔ-TRUNG ĐẠI (Tiết 3)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.

- Năng lực số:

+ NLS 1.1NC1b: Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được các kĩ thuật tìm kiếm để thu thập thông tin, tư liệu và nội dung số về một công trình kiến trúc tiêu biểu của Trung Quốc thời cổ - trung đại.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, …

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1. Khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế hco HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem video AI về đóng vai hướng dẫn viên du lịch tham quan Trung Quốc và đặt câu hỏi.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Văn minh Trung hoa cổ - trung đại là một trong những nền văn minh phát triển rực rỡ ở phương Đông. Khám phá bài học sẽ giúp em hiểu một nền văn minh hình thành cách ngày nay khoảng 5000 năm lại có thể đạt được nhiều thành quan trọng có giá trị và đóng góp to lớn đối với lịch sử văn minh thế giới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại –

c. Văn minh Trung Hoa thời cổ – trung đại

a. Mục tiêu: - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

<table>
<tr><th>Hoạt động dạy – học</th><th>Sản phẩm dự kiến</th><th>NLS</th></tr>
<tr>
<td>
Nhiệm vụ 1:
GV chia HS Lớp chia thành 4 nhóm:
xem đoạn video và Hoàn thành nhiệm vụ học tập sau


<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu tiêu biểu</th></tr>
<tr><td>Tư tưởng, tôn giáo</td><td></td></tr>
<tr><td>Chữ viết</td><td></td></tr>
<tr><td>Văn học</td><td></td></tr>
<tr><td>Kiến trúc, điêu khắc</td><td></td></tr>
<tr><td>Hội họa</td><td></td></tr>
<tr><td>Khoa học, kĩ thuật</td><td></td></tr>
</table>
Nhiệm vụ 2: cá nhân


<table>
<tr><th>Nhận định</th><th>Đúng/Sai</th></tr>
<tr><td>1. Văn minh Trung Hoa gắn liền với Hoàng Hà và Trường Giang.</td><td></td></tr>
<tr><td>2. Nho giáo, Đạo giáo, Pháp gia là những học thuyết có ảnh hưởng lớn ở Trung Hoa.</td><td></td></tr>
<tr><td>3. Chữ Hán hình thành ngay từ đầu giống hệt chữ Hán ngày nay.</td><td></td></tr>
<tr><td>4. Đường thi là một thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Hoa.</td><td></td></tr>
<tr><td>5. Người Trung Hoa không có thành tựu đáng kể về y học.</td><td></td></tr>
<tr><td>6. Giấy, kĩ thuật in, thuốc súng, la bàn là bốn phát minh lớn của Trung Hoa.</td><td></td></tr>
</table>
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
GV cung cấp tư liệu
</td>
<td>
2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại
c. Văn minh Trung Hoa thời cổ – trung đại
Nền văn minh Trung Hoa đã đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực.
- Tư tưởng, tôn giáo: Nho giáo, Đạo giáo, Mặc gia, Pháp gia ra đời sớm; Phật giáo được du nhập, cải biến và phát triển. Các học thuyết có ảnh hưởng lâu dài đến tổ chức nhà nước, đạo đức và đời sống xã hội.
- Chữ viết: chữ giáp cốt là hình thái sớm, sau đó được chỉnh lí và phát triển thành chữ Hán; chữ viết trở thành công cụ ghi chép, sáng tác, quản lí và truyền bá văn hoá.
- Văn học: thơ Đường, tiểu thuyết chương hồi thời Minh - Thanh và nhiều thể loại khác có giá trị lớn, ảnh hưởng đến văn học khu vực.
- Nghệ thuật, kiến trúc: cung điện, lăng mộ, thành quách, tượng binh mã, Vạn Lý Trường Thành; hội hoạ đa dạng về đề tài, chất liệu và phong cách.
- Toán học, thiên văn và lịch pháp: sử dụng hệ đếm thập phân, tính diện tích và thể tích; ghi chép nhật thực, nguyệt thực, nhiều hiện tượng thiên văn; đặt lịch
</td>
<td></td>
</tr>
</table>











Hình 8.9. Chữ viết trên thẻ tre, gỗ



Hình 8.8. Chữ giáp cốt (khắc trên mai rùa)

phục vụ sản xuất.

- Y - dược học: phát triển nhiều phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh bằng thuốc, châm cứu; có các thầy thuốc nổi tiếng như Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh.
- Sử học: đạt thành tựu lớn với Sử kí của Tư Mã Thiên và nhiều bộ chính sử, tạo nguồn tư liệu quý giá.
- Kĩ thuật: bốn phát minh lớn gồm làm giấy, kĩ thuật in, thuốc súng và la bàn; có ảnh hưởng sâu rộng đến tiến trình văn minh nhân loại.
- Ý nghĩa: các thành tựu để lại dấu ấn đậm nét ở Đông Á và nhiều khu vực khác, thúc đẩy giao lưu văn hoá, tri thức và kĩ thuật giữa phương Đông với phương Tây.



- Đỗ Phủ 杜甫 (712-770) tự Tử Mỹ 子美, hiệu Thảo Đường 草堂, Thiếu Lăng dã lão 少陵野老, người đời sau gọi là Đỗ Thiếu Lăng, Đỗ Lăng tẩu, Đỗ công bộ hay còn gọi là Lão Đỗ để phân biệt với Tiểu Đỗ là Đỗ Mục. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình quan lại lâu đời ở huyện Củng, nay thuộc tỉnh Hà Nam. Ông nội là Đỗ Thẩm Ngôn, một nhà thơ nổi tiếng thời Sơ Đường. Cha là Đỗ Nhàn, có làm quan.







Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Dự kiến sản phẩm

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Tư tưởng, tôn giáo	Nho giáo, Đạo giáo, Mặc gia, Pháp gia, Âm dương, Ngũ hành; Phật giáo du nhập
Chữ viết	Giáp cốt văn, kim văn, chữ Hán, thư pháp
Văn học	Đường thi; tiểu thuyết Minh – Thanh như *Tam quốc diễn nghĩa*, *Tây du kí*
Kiến trúc, điêu khắc	Vạn Lý Trường Thành, Tử Cấm Thành, Di Hoà Viên
Hội hoạ	Tranh trên gỗ, lụa, giấy; phong cách ước lệ
Khoa học, kĩ thuật	Toán học, thiên văn, y dược, sử học, bốn phát minh lớn

Nhận định	Đúng/Sai
1. Văn minh Trung Hoa gắn liền với Hoàng Hà và Trường Giang.	Đúng
2. Nho giáo, Đạo giáo, Pháp gia là những học thuyết có ảnh hưởng lớn ở Trung Hoa.	Đúng
3. Chữ Hán hình thành ngay từ đầu giống hệt chữ Hán ngày nay.	Sai
4. Đường thi là một thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Hoa.	Đúng
5. Người Trung Hoa không có thành tựu đáng kể về y học.	Đúng
6. Giấy, kĩ thuật in, thuốc súng, la bàn là bốn phát minh lớn của Trung Hoa.	Đúng

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV Nhận xét nội chuẩn hóa kiến thức cho HS

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi kéo co: Các em học sinh sẽ trả lời câu hỏi để giúp đội mình kéo thắng đội bạn. Mỗi câu trả lời đúng trong thời gian quy định sẽ giúp đội mình thắng 1 hiệp. Trường hợp cả hai đội không trả lời đúng sẽ coi như hòa. Hiệp đó không tính vào số hiệp thắng. Kết thúc trò chơi đội nào có số hiệp thắng nhiều hơn (tương đương với trả lời đúng nhiều câu hỏi hơn) sẽ là đội chiến thắng.



Câu 1: Chủ nhân đầu tiên của nền văn minh Trung Hoa là dân tộc nào?

A. Người Hoa Hạ

B. Người Choang.

C. Người Mãn

D. Người Mông Cổ

Câu 2: Loại chữ cổ nhất của người Trung Quốc là:

A. Chữ Hán

B. Chữ La tinh

C. Chữ giáp cốt, kim văn

D. Chữ Phạn

Câu 3: Thành tựu nào dưới đây KHÔNG thuộc "tứ đại phát minh" về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kỳ cổ trung đại

A. Kĩ thuật làm giấy

B. Kĩ thuật làm lịch

C. Thuốc súng

D. La bàn

Câu 4: Tư tưởng tôn giáo nào trở thành hệ tư tưởng phục vụ cho chế độ phong kiến Trung Quốc?

A. Thiên Chúa giáo

B. Hồi giáo

C. Đạo Phật

D. Nho giáo

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.
Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	B	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:
+ NLS 1.1NC1b: HS sử dụng công nghệ số để tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số để phục vụ học tập.
+ HS biết khai thác thông tin và hình ảnh từ sách, báo, internet; lựa chọn những tư liệu phù hợp, sau đó tổng hợp và viết đoạn văn giới thiệu về một công trình kiến trúc tiêu biểu của Trung Quốc thời cổ - trung đại bằng công cụ số, bảo đảm nội dung chính xác và trình bày khoa học.
Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:
Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách báo và internet, hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một công trình kiến trúc của Trung Quốc thời cổ - trung đại mà em ấn tượng nhất.
Biểu hiện năng lực số

- HS xác định yêu cầu của nhiệm vụ và sản phẩm cần hoàn thành.

- HS lựa chọn công trình kiến trúc cần giới thiệu.
- HS lựa chọn nguồn học liệu số và công cụ số phù hợp để xây dựng sản phẩm.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Biểu hiện năng lực số

- HS tìm kiếm và chọn lọc thông tin, hình ảnh từ các nguồn đáng tin cậy.
- HS tổng hợp các thông tin tiêu biểu về lịch sử, kiến trúc và giá trị của công trình.
- HS kiểm tra nội dung, hình thức và ghi nguồn tư liệu, hình ảnh đã sử dụng.

Bước 3: HS trình bày

Biểu hiện năng lực số

- HS trình bày hoặc chia sẻ đoạn văn trước lớp.
- HS giới thiệu được những nét đặc sắc của công trình kiến trúc đã lựa chọn.
- HS tiếp thu góp ý và hoàn thiện sản phẩm.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Biểu hiện năng lực số

- HS tạo được nội dung số có bố cục rõ ràng, thông tin chính xác và phù hợp với mục tiêu học tập.
- HS biết kết hợp văn bản để nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin.
- HS có ý thức sử dụng tài nguyên số đúng quy định, ghi nguồn đầy đủ khi khai thác thông tin từ môi trường số.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....
.....
.....
.....